

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
AN PHA PETROLEUM GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 04/2025/TB CBTT-ASP

Tp.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2025
Ho Chi Minh City, January, 30th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi/To:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/*Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Name of organization: AN PHA PETROLEUM GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán : ASP
Stock Code : ASP
- Địa chỉ : Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Address : Room 805, 8th Floor, Saigon Paragon Building, No. 3 Nguyen Luong Bang Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City
- Điện thoại/Tel. : (84.28) 5413 6338 Fax: (84.28) 5413 6340
- E-mail : info@anphapetrol.com

2. Nội dung thông tin công bố/*Content of disclosure:*

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý IV/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha
Separate and consolidated financial statements for the fourth quarter of 2024 of An Pha Petroleum Group Joint Stock Company

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/01/2025 tại đường dẫn: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website on January, 30th, 2025, as in the link: <https://anphapetrol.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached
Documents:**

- Báo cáo tài chính riêng lẻ Quý IV/2024/Separate financial statement for the fourth quarter of 2024
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV/2024/Solidated financial statement for the fourth quarter of 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
AN PHA PETROLEUM GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information



TRẦN DUY LUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 tới 31/12/2024.
(QUÝ IV-2024)



Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 01 năm 2025

Mẫu B 01-DN

Số: 14/2024_ASP-SGDCK_BCTC

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh Công ty mẹ quý 4/2024

Tp Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ báo cáo tài chính Quý 4 và kết quả hoạt động kinh doanh đạt được trong Quý 4 năm 2024 của Công ty cổ phần tập đoàn dầu khí An Pha, hoạt kinh doanh của Công ty vẫn ổn định, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế lại tăng so với cùng kỳ. Công ty giải trình bổ sung nguyên nhân lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2024 tăng so với Quý 4 năm 2023 bởi những nguyên nhân chính sau đây.

Chỉ tiêu	Quý IV		Tăng/ giảm (VNĐ)
	Năm 2024	Năm 2023	
	1	2	3=2-1
1 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.738.876.096	34.401.361.453	(16.662.485.357)
2 Doanh thu hoạt động tài chính	2.152.753.356	3.882.450.535	(1.729.697.179)
3 Chi phí hoạt động tài chính	(9.845.677.054)	98.907.669.514	(108.753.346.568)
4 Chi phí bán hàng	1.340.192.018	2.576.451.010	(1.236.258.992)
5 Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.058.267.677	13.309.012.806	(6.250.745.129)
6 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.338.846.811	(76.498.321.342)	97.837.168.153
7 Lợi nhuận sau thuế TNDN	21.338.846.811	(76.313.789.693)	97.652.636.504

Nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp giảm 16.662.485.357 đồng nguyên nhân chủ yếu là sản lượng bán hàng giảm, giá bán giảm làm doanh thu bán hàng giảm so với cùng kỳ.
- Doanh thu tài chính giảm 1.729.697.179 đồng nguyên nhân do lãi chênh lệch tỉ giá và thu nhập từ lãi tiền gửi giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính giảm 108.753.346.568 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lãi vay giảm và chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí bán hàng giảm 1.236.258.992 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí thuê kho, chi phí bảo lãnh giảm so với cùng kỳ.
- Chi phí quản lý giảm 6.250.754.129 đồng nguyên nhân chủ yếu do chi phí lương, chi phí công tác hội nghị và chi phí dự phòng tổn thất tài sản giảm so cùng kỳ.

Từ các nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế của Quý 4/2024 tăng 97.652.636.504 đồng so với Quý 4/2023.

Trân trọng.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ✎

坂本晋一郎
SAKAMOTO SHINICHIRO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		557.816.810.112	1.102.258.345.833
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	99.418.385.794	142.119.853.420
1. Tiền	111		39.418.385.794	142.119.853.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	200.000.000	70.200.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		200.000.000	70.200.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421.951.971.470	837.467.730.277
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	389.815.117.808	748.100.498.672
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.626.932.095	32.271.478.763
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	29.123.500.000	54.275.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.598.328.835	8.600.393.560
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(6.211.907.268)	(5.779.640.718)
IV- Hàng tồn kho	140		29.259.368.048	51.020.782.795
1. Hàng tồn kho	141		29.259.368.048	51.020.782.795
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		6.987.084.800	1.449.979.341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	945.139.278	1.254.040.610
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.587.435.820	195.938.731
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		4.454.509.702	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		893.070.196.364	808.685.300.552
I Các khoản phải thu dài hạn	210		122.865.226.001	37.651.346.001
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		90.000.000.000	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	23.787.320.000	22.337.320.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	9.077.906.001	15.314.026.001
II Tài sản cố định	220		16.708.936.181	14.434.754.006
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	16.734.255	372.960.247
- Nguyên giá	222		2.508.895.818	2.508.895.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.492.161.563)	(2.135.935.571)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	16.692.201.926	14.061.793.759
- Nguyên giá	228		27.363.837.578	19.301.309.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.671.635.652)	(5.239.515.819)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.015.150.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			3.015.150.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	678.587.252.262	661.062.654.473
1. Đầu tư vào công ty con	251		634.124.701.227	669.824.076.007
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.639.930.405	111.940.555.625
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(103.177.379.370)	(120.701.977.159)
VI Tài sản dài hạn khác	260		74.908.781.920	92.521.396.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	74.908.781.920	92.521.396.072
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.450.887.006.476	1.910.943.646.385

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.013.533.685.416	1.497.708.283.759
I- Nợ ngắn hạn	310		964.731.275.416	1.360.974.533.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	405.690.354.151	743.130.983.404
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	833.771.307	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	949.194.075	33.618.115
4. Phải trả người lao động	314		324.680.845	322.226.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	977.906.064	1.457.795.824
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			1.399.859.624
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	16.245.403.721	16.131.696.769
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	539.691.091.345	598.479.479.391
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II- Nợ dài hạn	330		48.802.410.000	136.733.750.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	48.802.410.000	136.733.750.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		437.353.321.060	413.235.362.626
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	437.353.321.060	413.235.362.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.218.022.844	38.100.064.410
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		38.100.064.410	110.253.624.396
- LNST chưa phân phối kì này	421b		24.117.958.434	(72.153.559.986)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.450.887.006.476	1.910.943.646.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



坂本晋一朗

Sakamoto Shinichiro

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2024 tới 31/12/2024

Mẫu B 02-DN

STT CHỈ TIÊU	Mã số	TM	QUÝ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM 2024	NĂM 2023	NĂM 2024	NĂM 2023
1 Doanh thu bán hàng & cung cấp DV	1	5.16	548.371.329.232	800.735.232.562	2.245.249.381.677	2.708.895.376.634
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2			3.442.563.590		6.774.304.611
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	5.17	548.371.329.232	797.292.668.972	2.245.249.381.677	2.702.121.072.023
4 Giá vốn hàng bán	11	5.17	530.632.453.136	762.891.307.519	2.193.053.728.261	2.610.960.866.516
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ	20	5.18	17.738.876.096	34.401.361.453	52.195.653.416	91.160.205.507
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	2.152.753.356	3.882.450.535	17.175.494.432	18.355.820.847
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	5.19	(9.845.677.054)	98.907.669.514	13.387.339.428	137.154.126.473
Trong đó lãi vay	23		6.080.301.325	6.740.225.570	24.616.311.916	38.349.065.084
8 Chi phí bán hàng	24	5.20	1.340.192.018	2.576.451.010	6.680.686.525	10.393.433.456
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	7.058.267.677	13.309.012.806	25.322.679.747	34.212.276.411
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.338.846.811	(76.509.321.342)	23.980.442.148	(72.243.809.986)
11 Thu nhập khác	31			11.000.000	137.516.286	90.250.000
12 Chi phí khác	32					
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40			11.000.000	137.516.286	90.250.000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.338.846.811	(76.498.321.342)	24.117.958.434	(72.153.559.986)
15 Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	51			(184.531.649)		
16 Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		21.338.846.811	(76.313.789.693)	24.117.958.434	(72.153.559.986)

Người lập

Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Pho Tổng Giám đốc



Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2024 tới 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01 đến 31/12/2024 (VND)	Từ 01/01 đến 30/12/2023 (VND)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	1	24.117.958.434	72.153.559.986
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	5.788.345.825	3.582.215.571
- Hoàn nhập dự phòng	3	(17.092.331.239)	97.947.065.622
- (Lãi) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	4	3.483.760.000	(117.189.697)
- (Lãi) Lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(13.540.057.954)	(16.405.458.071)
- Chi phí lãi vay	6	24.616.311.916	38.349.065.084
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	8	27.373.986.982	51.202.138.523
- Biến động các khoản phải thu	9	302.631.693.942	(139.746.732.816)
- Biến động hàng tồn kho	10	21.761.414.747	(21.333.790.273)
- Biến động các khoản phải trả	11	(338.154.464.336)	115.977.816.872
- Biến động chi phí trả trước	12	17.921.515.484	(3.047.676.336)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.462.208.175)	(39.684.804.009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.454.509.702)	(3.646.838.232)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	7.617.428.942	(40.279.886.271)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.047.378.000)	(2.732.914.727)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.617.150.685)	(130.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	166.318.650.685	238.822.209.713
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(19.712.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.230.469.478	17.199.645.350
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	99.884.591.478	103.576.440.336
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.219.299.170.556	2.264.383.071.107
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.369.502.658.602)	(2.245.793.832.571)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	26.881.130
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(150.203.488.046)	18.562.357.406
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	(42.701.467.626)	81.858.911.471
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	142.119.853.420	60.258.002.252
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-	2.939.697
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	99.418.385.794	142.119.853.420

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập



Lại Văn Tú

Kế toán trưởng



Lại Văn Tú

Phó Tổng Giám đốc



Sakamoto Shinichiro

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 về việc thay đổi thông tin người đại diện pháp luật của Công ty.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: ANPHA PETROL JOINT STOCK COMPANY. Tên Công ty viết tắt: ANPHA PETROL JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303224471 thay đổi lần thứ 20 ngày 16/5/2024 là 373.399.290.000 VND (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Mã cổ phiếu: ASP. Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu ASP thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo các Quyết định số 178/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 và Quyết định số 179/QĐ-SGDHCM ngày 05/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng 805, Lầu 8, toà nhà Saigon Paragon, Số 3, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 13 người (tại ngày 31/12/2023 là 14 người). Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16/05/2024.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển;
- Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở);
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí;
- Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy;
- Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng;
- Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm);
- Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải;
- Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện);
- Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán phương tiện vận tải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30/06/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Các Công ty con trực tiếp:

- Tên công ty	:	Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình
- Địa chỉ	:	Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Tp Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	100%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	100%
- Tên công ty	:	Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ	:	Lô CN 03-07, cụm công nghiệp Ninh Hiệp Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ	:	98,57%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ	:	98,57%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần TM và DV Đức Hải
- Địa chỉ	:	Tổ 92, lô 8 A1.1, Hòa Minh, phường Hòa Minh Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	80,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	80,00%
- Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần TM DV Minh Thảo
- Địa chỉ	:	79 Nguyễn Hồng, Phường 11, Quận Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	97,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	97,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang
- Địa chỉ	:	Số 34 A, đường Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	51,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	51,00%

Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)

- Tên Công ty	:	Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ	:	Phòng 805, Lầu 8, Tòa nhà Saigon Paragon, Số 3 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q7, Tp HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	99,99%
- Tên Công ty	:	Công ty TNHH MTV Minh Gia
- Địa chỉ	:	Ô 19, Lô B6, KDC Thuận Giao, ấp Bình Thuận 2 huyện Thuận An, Bình Dương
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	97,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	97,99%

Danh sách các Công ty liên kết:

- Tên Công ty	:	Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina
- Địa chỉ	:	826 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	:	35%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 35%

- Tên Công ty : Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát
- Địa chỉ : Xóm 2, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Nghệ An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 49,00%

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh thương mại Thành Đạt
- Địa chỉ : Số 26, ngõ 29, phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 49,00%

- Tên Công ty : Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lông Be Ta Gas
- Địa chỉ : Số 01, KP 2, Xa Lộ Hà Nội, P. Long Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai,
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 49,00%

- Tên Công ty : Công ty TNHH LPG Tiên Phát
- Địa chỉ : ấp 3, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, Long An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 49,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 49,00%

- Tên Công ty : Công Ty CP Khí Hóa Lông Hoàng Anh
- Địa chỉ : 456C/8 KP Nội Hoà 1, P. Bình An, TP. Dĩ An, T. Bình Dương,
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 35,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 35,00%

- Tên Công ty : Công Ty Cổ Phần LPG Biển Đông
- Địa chỉ : Số 98 Đường 339, Phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 20,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 20,00%

- Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội
- Địa chỉ : Tầng 3, Khu DV sân bay Gia Lâm, Đ.Đàm Quang Trung, P.Phúc Đồng, Q.Long Biên, TP.Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 33,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 33,00%

- Tên Công ty : Công ty CP Thương Mại Năng Lượng Miền Trung
- Địa chỉ : 168 Nguyễn Sắc Kim, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng, Việt Nam
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 40,54%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 40,54%

- Tên công ty : Công ty Cổ Phần MT Gas
- Địa chỉ : Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 40.73%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 40.73%

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán



Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của chính Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại ngày 30/6/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Số năm

03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng (nhà xưởng, kho bãi) để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê tài sản**Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo lãnh phát hành

Chi phí bảo lãnh phát hành bao gồm các khoản chi phí Công ty thanh toán cho mục đích bảo lãnh phát hành thư tín dụng (LC) để nhập khẩu, mua sắm hàng hóa dịch vụ. Chi phí này được phân bổ trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng phát hành thư tín dụng (L/C) tương ứng, với thời gian từ 08 đến 14 tháng.

Tiền thuê tài sản trả trước

Tiền thuê tài sản trả trước liên quan đến tài sản thuê hoạt động (bao gồm văn phòng Công ty, kho bãi sử dụng cho việc bán hàng, kinh doanh) mà Công ty đang sử dụng thể hiện khoản tiền trả trước cho một kỳ hạn thuê. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ hạn thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí vỏ bình gas

Chi phí trả trước là giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, chi phí sơn sửa bảo dưỡng, kiểm định vỏ bình gas. Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty hoặc các bên liên quan;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa (LPG, và các sản phẩm liên quan đến nhà bếp), doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.
- **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**
- Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
- **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**
- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.
- **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- **Các bên liên quan**
- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.
- Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- **Báo cáo bộ phận**
- Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	408.651.029	568.151.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.009.734.765	141.551.702.391
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	
Tổng cộng	99.418.385.794	142.119.853.420

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị sổ sách	Giá gốc	Giá trị sổ sách
Ngắn hạn	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000
	-	-		
Tổng cộng	200.000.000	200.000.000	70.200.000.000	70.200.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	389.815.117.808	748.100.498.672
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	137.657.597.002	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần MT Gas	2.937.402.086	41.758.210.595
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	63.549.971.953	258.046.867.677
Công Ty Cổ Phần Dầu Khí Delta Việt Nam	19.463.817.898	13.692.805.591
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	8.401.831.451	24.910.519.726
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại An Toàn	7.528.303.493	44.663.787.190
Công Ty Cổ Phần LPG Biển Đông	33.956.979.087	49.642.042.138
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	22.916.343.615	53.736.393.628
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Tân Đại Phát	30.017.648.777	28.892.655.888
Công Ty TNHH Hải Linh	9.111.152.900	8.188.096.600
Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas	1.548.166.984	2.236.971.257
Công ty TNHH Sopot Gas One	9.886.585.534	9.222.990.120
Đối tượng khác	42.839.317.028	79.184.614.556
b) Phải thu khách hàng dài hạn	90.000.000.000	
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	90.000.000.000	
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	212.546.802.492	458.640.141.704
Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	137.657.597.002	133.924.543.706
Công ty Cổ Phần MT Gas	2.937.402.086	41.758.210.595
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	63.549.971.953	258.046.867.677
Công ty Cổ Phần Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	8.401.831.451	24.910.519.726
Công Ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas	1.548.166.984	2.236.971.257
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Tân Đại Phát	30.017.648.777	28.892.655.888
Công ty TNHH Sopot Gas One	9.886.585.534	9.222.990.120
Công Ty Cổ Phần LPG Biển Đông	33.956.979.087	49.642.042.138

5.4 Phải thu cho vay

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nguyễn Thế Giáp [1]	-	2.600.000.000
Cty CP TM Gas Bình Minh [2]	13.648.500.000	47.400.000.000
Công ty TNHH LPG Tiến Phát [3]	475.000.000	4.275.000.000
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	15.000.000.000	-
Tổng cộng	29.123.500.000	54.275.000.000
b) Phải thu cho vay dài hạn		
Nguyễn Hữu Minh Hải [4]	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP SX TM và KD Thành Đạt [5]	5.520.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vinh Quang [6]	4.600.000.000	4.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Tân Đại Phát [7]	8.217.320.000	8.217.320.000
Công ty TNHH Khí Dầu Mô Hóa Lông Be Ta Gas [8]	1.450.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- [1] Khoản cho Ông Nguyễn Thế Giáp vay theo hợp đồng số 26/2019/HĐVT/ASP-NTG ngày 16/5/2019 với số tiền là 2.600.000.000 VND. Lãi suất 5%. Thời hạn vay 12 tháng.
- [2] Khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Gas Bình Minh vay theo Hợp đồng số 2602/2021/HĐCV/ASP-BM ngày 26/02/2021, lãi suất tiền vay là 3,4%/năm, được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay: được gia hạn theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn ngày 26/02/2023, kéo dài đến hết ngày 25/05/202.
- [3] Khoản cho Công ty TNHH LPG Tiến Phát vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 0104/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 01/4/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng cho kỳ đầu từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021, lãi suất các kỳ sau được điều chỉnh ngày 1 tháng 1 hàng năm dương lịch.
- [4] Khoản cho Ông Nguyễn Hữu Minh Hải và Bà Lý Thị Cẩm Giàng vay theo Hợp đồng số 0204/2021/HĐCV/ASP-TP ngày 30/6/2021, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, áp dụng từ ngày nhận tiền vay đến 31/12/2021. Thời hạn vay từ ngày 30/6/2021 đến hết ngày 30/6/2024. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản tại ấp 3, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An do ông Nguyễn Hữu Minh Hải sở hữu và đứng tên.
- [5] Khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Kinh doanh Thành Đạt vay theo Hợp đồng số 02-VAY ASP/TĐ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- [6] Khoản cho Công ty TNHH Vinh Quang vay theo Hợp đồng số 01 VAY-ASP/VQ 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- [7] Khoản cho Công ty TNHH Tân Đại Phát vay theo Hợp đồng số 03 VAY-ASP/TĐP 2017 ngày 01/7/2017. Lãi suất theo thỏa thuận. Thời hạn vay: 10 năm.
- [8] Khoản cho Công ty TNHH Khí Dầu Mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas vay theo Hợp đồng số 0301/2023/HĐVV/ASP-BETA ngày 03/01/2024, số tiền vay là 1.450.000.000 VND. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay được bảo đảm bằng tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Khí Dầu mỏ Hóa Lỏng Be Ta Gas.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn		
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	574.859.190	1.690.421.417
- Tạm ứng cho người lao động	613.247.165	799.364.418
- Saisan Co., Ltd. - Phải thu thuế TNCN nộp hộ [1]	889.195.480	3.618.721.101
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn, trong đó:	121.027.000	692.027.000
+ Thuê mặt bằng, thuê nhà	121.027.000	92.027.000
+ Các khoản ký quỹ, ký cược khác	-	600.000.000
- Phải thu ông Lại Văn Tú [2]	400.000.000	400.000.000
- Các khoản khác	-	1.399.859.624
+ Khác		
+ Lãi phạt chậm thanh toán	-	1.399.859.624
Cộng	2.598.328.835	8.600.393.560
b) Phải thu dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	2.892.906.000	3.349.026.000
- Ông Trần Quốc Bửu [3]	185.000.001	1.185.000.001
- Ông Vũ Thanh Hòa [4]	-	4.780.000.000
- Ông Ngô Mạnh Hùng [5]	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	9.077.906.001	15.314.026.001
Tổng cộng	11.676.234.836	23.914.419.561

[1] Đây là các khoản thuế TNCN Công ty thực hiện quyết toán thay và nộp hộ cho người lao động được cử sang làm việc từ Cổ đông lớn của Công ty, Saisan Co., Ltd.. Sau khi nhận được giấy chứng nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, Saisan Co., Ltd sẽ thực hiện hoàn trả lại khoản tiền thuế TNCN cho Công ty.

[2] Đây là khoản Công ty ủy quyền cho Ông Lại Văn Tú thực hiện chuyển tiền mua 2% cổ phần của các Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo. Khoản phải thu khác này sẽ được thu hồi khi Công ty thực hiện tái cơ cấu khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Minh Thảo.

[3] Căn cứ theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha giữa Công ty và Ông Trần Quốc Bửu ngày 25/12/2017, Ông Trần Quốc Bửu sẽ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Pha đã vay trước đây với số tiền là 3.685.000.000 đồng, mỗi năm thanh toán 500.000.000 đồng kể từ năm 2018 đến năm 2025.

[4] Công ty ủy quyền cho Ông Vũ Thanh Hòa thực hiện mua 16% cổ phần của Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina.

[5] Công ty ủy quyền cho Ông Ngô Mạnh Hùng đại diện đầu tư vào dự án xây dựng kho chứa LPG tại Khu công nghiệp VSIP Nghệ An theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư ngày 18/12/2023. Thời gian ủy thác là 2 năm, kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 21/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi tiết chi phí trả trước		
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo lãnh mua LPG	309.995.157	662.608.447
- Chi phí thuê mặt bằng	280.023.704	359.865.423
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng ngắn hạn	142.860.001	91.341.668
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	212.260.416	140.225.072
Cộng	945.139.278	1.254.040.610
Dài hạn		
Mua vỏ chai LPG	71.535.268.571	85.450.676.063
Chi phí tiền thuê mặt bằng	3.335.200.000	6.973.600.000
Chi phí khác	38.313.349	97.120.009
Cộng	74.908.781.920	92.521.396.072

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024		2.508.895.818	2.473.923.091
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	2.508.895.818	2.508.895.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024		2.135.935.571	804.631.497
Tăng trong kỳ		356.225.992	356.225.992
Khấu hao trong kỳ		356.225.992	356.225.992
Giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	2.492.161.563	2.492.161.563
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2024	-	372.960.247	372.960.247
Số dư tại 31/12/2024	-	16.734.255	16.734.255

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024		19.301.309.578	19.301.309.578
Tăng trong kỳ	-	8.062.528.000	8.062.528.000
Mua	-	8.062.528.000	8.062.528.000
Tăng khác	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	27.363.837.578	27.363.837.578
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024		5.239.515.819	2.285.609.996
Tăng trong kỳ		5.432.119.833	5.432.119.833
Khấu hao trong kỳ		5.432.119.833	5.432.119.833
Giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm khác			-
Số dư tại 31/12/2024	-	10.671.635.652	10.671.635.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư tại 01/01/2024	-	14.061.793.759	14.061.793.759
Số dư tại 31/12/2024	-	16.692.201.926	16.692.201.926

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá hợp lý (*)	Giá gốc	Giá hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con						
Cty CP Dầu Khí An Pha	98,57%	98,57%	634.124.701.227	542.224.083.570	669.824.076.007	560.398.860.561
Cty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình	100,00%	100,00%	142.307.241.235	138.225.034.886	142.307.241.235	138.225.034.886
Cty CP MT Gas	67,19%	67,19%	443.340.459.992	375.120.048.684	443.340.459.992	357.595.450.895
				-	35.699.374.780	35.699.374.780
Cty CP Đức Hải	80,00%	80,00%	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000	18.400.000.000
Cty CP TM DV Minh Thảo	97,99%	97,99%	28.249.000.000	8.651.000.000	28.249.000.000	8.651.000.000
Cty TNHH Thương mại Vĩnh Quang	51,00%	51,00%	1.828.000.000	1.828.000.000	1.828.000.000	1.828.000.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
Cty TNHH bình khí đốt Hong Vina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	10.725.395.625	10.725.395.625	10.725.395.625
Cty CP SX TM và KD Thành Đạt	49,00%	49,00%	1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
Cty TNHH ĐT và PT Tân Đại Phát	49,00%	49,00%	2.385.320.000	-	2.385.320.000	-
Công ty TNHH Beta Gas	49,00%	49,00%	7.513.340.000	4.724.357.298	7.513.340.000	4.724.357.298
Cty TNHH Tiến Phát	49,00%	49,00%	2.940.000.000	1.576.455.554	2.940.000.000	1.576.455.554
Cty CP Khí Hóa Long Hoàng Anh	35,00%	35,00%	13.650.000.000	12.899.195.249	13.650.000.000	12.899.195.249
Cty CP LPG Biên Đông	20,00%	20,00%	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000
Công ty CP Dầu Khí Sài Gòn - Hà Nội	33,00%	33,00%	20.000.000.000	17.481.890.186	20.000.000.000	17.481.890.186
Cty CP MT Gas	40,73%	40,73%	35.699.374.780	-	-	-
Công ty CP TM Năng Lượng Miền Trung	40,54%	40,54%	19.256.500.000	19.256.500.000	19.256.500.000	19.256.500.000
Tổng cộng			781.764.631.632	642.887.877.482	781.764.631.632	661.062.654.473
				(103.177.379.370)		(120.701.977.159)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Nợ ngắn hạn	405.690.354.151	401.488.909.472	743.130.983.404	743.130.983.404
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	291.565.147.848	291.565.147.848	590.787.961.237	590.787.961.237
CTY CP KINH DOANH LPG VN-CN Miền Nam		-	100.266.415.888	100.266.415.888
CÔNG TY CP VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ (GAS SHIPPING)	14.755.520.120	14.755.520.120	51.034.793.643	51.034.793.643
CÔNG TY TNHH KHÍ HOÁ LÔNG THĂNG LONG	17.594.856.614	17.594.856.614		-
EI Corporation	7.464.824.000	7.464.824.000		-
Công ty CP TMDV Đức Minh Bình Phước	14.819.145.885	14.819.145.885		-
CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT HYOSUNG VINA	55.289.415.005	55.289.415.005		-
Đối tượng khác	4.201.444.679		1.041.812.636	1.041.812.636
b) Nợ dài hạn				
Tổng cộng	405.690.354.151	401.488.909.472	743.130.983.404	743.130.983.404

5.11 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Tại ngày 01/01/2024	Phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2024
Phải nộp	33.618.115	9.986.151.941	9.070.575.981	949.194.075
Thuế GTGT	-	8.195.287.280	8.195.287.280	-
Thuế GTGT nhập khẩu	-	761.412.048	-	761.412.048
Thuế xuất nhập khẩu	-	149.296.480	-	149.296.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập các nhân	33.618.115	505.075.733	500.208.301	38.485.547
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		375.080.400	375.080.400	-
Phải thu	-	-	4.454.509.702	4.454.509.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	4.454.509.702	4.454.509.702
Số còn phải nộp	33.618.115	9.986.151.941	4.616.066.279	5.403.703.777

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	977.906.064	1.457.795.824
Lãi vay phải trả	977.906.064	1.457.795.824
Chi phí khác	-	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	977.906.064	1.457.795.824

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.245.403.721	16.131.696.769
Kinh phí công đoàn	3.549.021	3.442.605
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	885.420.764	885.420.764
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.352.871.001	15.242.833.400
Tạm ứng	3.562.935	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	16.245.403.721	16.131.696.769

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Tại 31/12/2024		Trong kỳ		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	539.691.091.345	539.691.091.345	2.219.185.200.556	2.277.973.588.602	598.479.479.391	598.479.479.391
Bangkok Bank - HCM [1]	283.727.132.994	283.727.132.994	628.521.506.553	480.440.842.917	135.646.469.358	135.646.469.358
NH Mizuho_CN Hồ Chí Minh [2]	194.930.512.303	194.930.512.303	815.027.666.237	820.714.473.827	200.617.319.893	200.617.319.893
NH MUFG Bank_HCM [3]	61.033.446.048	61.033.446.048	775.636.027.766	976.818.271.858	262.215.690.140	262.215.690.140
b) Vay dài hạn	48.802.410.000	48.802.410.000	5.969.890.000	93.901.230.000	136.733.750.000	136.733.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN[4]	-	-	-	25.340.000.000	25.340.000.000	25.340.000.000
Ngân hàng Saitama Resona Bank [5]	43.692.210.000	43.692.210.000	5.251.090.000	58.327.630.000	96.768.750.000	96.768.750.000
Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia [6]	5.110.200.000	5.110.200.000	718.800.000	10.233.600.000	14.625.000.000	14.625.000.000
Tổng cộng	588.493.501.345	588.493.501.345	2.225.155.090.556	2.371.874.818.602	735.213.229.391	735.213.229.391

[1] Hợp đồng vay vốn với Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh số CP/HCM/007-17 ngày 11/7/2017, và Phụ kiện Hợp đồng vay vốn số 03 ngày 31/12/2021:

Hạn mức tín dụng : 15.000.000 USD. Lãi suất vay: Chi phí vốn + 0,5%/năm, được tính và trả vào mỗi tháng;

Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn

Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ nhu cầu vốn lưu động của bên vay

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Thời hạn rút vốn : Đây là một hợp đồng liên tục. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo;
- Lãi suất phạt đối với nợ gốc quá hạn : Lãi trên nợ gốc quá hạn không vượt quá 150% lãi suất quy định. Lãi chậm thanh toán lãi sẽ được áp dụng không vượt quá 10%/năm.
- Biện pháp bảo đảm : Thư tín dụng dự phòng do Saitama Resona Bank Limited phát hành. Kèm theo bản các điều khoản và điều kiện tiêu chuẩn áp dụng cho các phương thức tín dụng ngân hàng.

[2] Hợp Đồng tín dụng tuần hoàn kỳ giữa Công ty và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ngày 10/5/2019, bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng lần thứ 2 này 01/3/2021

- Hạn mức tín dụng : Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty một khoản tín dụng toàn hoàn không cam kết với tổng số tiền tối đa là 24.000.000 USD thực hiện dưới các hình thức: Các khoản vay, Phát hành và chấp nhận các Thư tín dụng, phát hành bảo lãnh. Trong đó, tổng dư nợ các khoản vay không vượt quá 15.500.000 USD vào mọi thời điểm.
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: : Mỗi khoản vay chịu lãi với tỷ lệ % trên năm được tính bằng mức lãi biên cộng với lãi suất tham chiếu, cộng với các khoản thuế phải trả. Mức lãi biên là 0,5% hoặc mỗi khoản vay sẽ có lãi suất thỏa thuận.
- Ngày hết hạn giải ngân : Ngày 28/02/2022. Trừ khi ngân hàng ra thông báo chấm dứt vào hoặc trước khi kết thúc Thời hạn giải ngân, Thời hạn giải ngân sẽ của Hợp đồng ban đầu được tự động gia hạn thêm mỗi 12 tháng tiếp theo.
- Biện pháp bảo lãnh : Được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh cấp bởi Bến Bảo lãnh là Công ty Saisan.

[3] Hợp đồng chung về các giao dịch tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng số FL/029/24 ngày 15/3/2024 được ký giữa Công ty và Ngân hàng MUFG Bank, Ltd. - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Hạn mức tín dụng : Tổng số tiền của Hạn Mức tín dụng sẽ không vượt quá 20.000.000 USD hoặc các loại tiền tệ tương đương.
- Thời hạn của các khoản vay : không quá 6 tháng kể từ ngày rút vốn
- Mục đích sử dụng vốn : Tài trợ vốn lưu động chung, tài trợ thương mại, và Bảo lãnh thanh toán và không được sử dụng cho mục đích nào khác
- Lãi suất: : 0,5%/năm trên chi phí vốn của Ngân hàng
- Thời hạn rút vốn : Hạn mức tín dụng sẽ có hiệu lực từ ngày 15/3/2024 đến ngày 15/3/2025, và sẽ tự động được gia hạn thêm các kỳ hạn một năm liên tục, trừ trường hợp Ngân hàng thông báo khác đi tới Công ty.
- Biện pháp bảo đảm : khoản vay không có tài sản đảm bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

[4] Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên - Hà Nội số 01/2022/3112950/HĐTD ngày 27/12/2022:

Số tiền cho vay : 145.000.000.000 VND
Thời hạn vay : 05 năm
Mục đích vay : Đầu tư dự án vỏ bình gas
Thời hạn rút vốn : Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực
Lãi suất vay : Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của BIDV từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn tối đa 150% lãi suất cho vay trong hạn
Lịch trả nợ gốc : Khoản vay được trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ 03 tháng) vào ngày 25 của tháng cuối cùng mỗi Quý: tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm
Biện pháp bảo đảm : Cầm có hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 03/2022/3112590/HĐTG ngày 30/11/2022 với số tiền 50.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm có tiền gửi số 01/2022/3112590/HĐBĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022

[5] Vay Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 06/3/2020:

Số tiền cho vay : 8.400.000 USD
Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
Ngày hoàn trả đầu tiên : 30/9/2020. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Saitama Resona Bank, Ltd. (Omiyanishi Branch) (Nhật Bản) ngày 20/01/2021:

Số tiền cho vay : 2.900.000 USD
Ngày giải ngân : 26/02/2021. Ngày hoàn trả cuối cùng: 26/02/2026
Ngày hoàn trả đầu tiên : 31/8/2021. Sau đó, khoản vay sẽ được hoàn trả mỗi 6 tháng tính từ ngày hoàn trả đầu tiên, mỗi lần 290.000 USD
Mục đích vay : tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
Lãi suất vay : 2,38%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần
Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

[6] Hợp đồng cho vay bởi Ngân hàng Resona Merchant Bank Asia Limited (Singapore) ngày 06/3/2020:

- Số tiền cho vay : 2.000.000 USD, các khoản vay được thực hiện bằng USD (Đô la Mỹ);
- Ngày giải ngân : 31/3/2020. Ngày hoàn trả cuối cùng: 31/3/2025.
- Mục đích vay : Cho vay tái cấp vốn trả nợ khoản vay của Công ty SaiSan
- Lãi suất vay : 2,7%/năm, cố định trong suốt thời hạn của khoản vay. Kỳ tính lãi là 6 tháng 1 lần.
- Phương thức trả nợ : Khoản vay được trả góp định kỳ 10 lần nửa năm, mỗi lần 200.000 USD với khoản trả góp đầu tiên thanh toán vào ngày 30/9/2020. Những kỳ trả nợ sau sẽ rơi vào mỗi ngày tương ứng với ngày trả nợ đầu tiên mỗi Sáu (06) tháng tiếp theo, và số tiền dư phải được hoàn trả đầy đủ vào ngày hoàn trả cuối cùng.
- Biện pháp bảo đảm : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 1/1/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	110.253.624.396	485.388.922.612
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	(72.153.559.986)	(72.153.559.986)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	(72.153.559.986)	(72.153.559.986)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Số dư tại 1/1/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	38.100.064.410	413.235.362.626
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	24.117.958.434	24.117.958.434
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	24.117.958.434	24.117.958.434
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2024	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	-	306.228.116	62.218.022.844	437.353.321.060

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Saisan Co., Ltd.	17.998.426	48,20%	17.998.426	48,20%
Ông Trần Minh Loan	2.188.100	5,86%	2.188.100	5,86%
Các cổ đông khác	17.153.403	45,94%	17.153.403	45,94%
Tổng	37.339.929	100,00%	37.339.929	100,00%
			Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
			179.984.260.000	179.984.260.000
			21.881.000.000	21.881.000.000
			171.534.030.000	171.534.030.000
			373.399.290.000	373.399.290.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542

d. Các quỹ của Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng cộng	306.228.116	306.228.116

5.17 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Doanh thu bán LPG	530.700.803.839	791.663.394.717
Doanh thu bán linh, phụ kiện	8.218.126.520	-
Doanh thu hàng hóa khác	-	5.000.000
Doanh thu vận tải thuê	673.704.271	3.356.478.450
Doanh thu cho thuê vỏ bình	3.476.478.450	1.690.050.908
Doanh thu cho thuê mặt bằng, kho bãi	3.162.952.646	577.744.897
Doanh thu khác	2.139.263.506	-

5.18 Giá vốn hàng bán**Giá vốn hàng bán**

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	514.092.882.604	756.395.453.017
Giá vốn bán linh, phụ kiện	7.659.254.520	-
Giá vốn cho thuê vỏ chai LPG	3.478.851.873	4.525.022.831
Giá vốn cho thuê tài sản	3.282.952.650	1.690.050.912

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	952.724.602	3.415.814.330
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá		666.495.829
Doanh thu tài chính khác	28.754	(1.399.859.624)
Tổng cộng	2.152.753.356	3.882.450.535

5.20 Chi phí tài chính

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.080.301.325	6.740.225.570
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.859.410	19.040
Lỗ chênh lệch do đánh giá lại TK có gốc ngoại tệ	1.596.760.000	
Dự phòng tổn thất ĐTTTC dài hạn	(17.524.597.789)	92.167.424.904
Tổng cộng	(9.845.677.054)	98.907.669.514

5.21 Chi phí bán hàng.

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Chi phí thuê kho hàng, nhập hàng	187.935.530	1.275.810.068
Chi phí thủ tục nhập, xuất, giám định hàng	145.636.368	114.209.094
Chi phí bảo lãnh mua hàng	1.006.620.120	1.186.431.848
Chi phí khác		
Tổng cộng	1.340.192.018	2.576.451.010

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2024	Quý 4/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên Công ty	1.374.607.531	1.646.455.982
Chi phí nguyên vật liệu quản lý		12.037.817
CP công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	58.600.616	22.779.017
Chi phí KHTSCĐ quản lý	1.375.194.656	1.044.598.041
Trích lập/hoàn nhập dự phòng tổn thất tài sản	432.266.550	5.779.640.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.402.426.625	1.351.871.679
Chi phí quản lý khác	1.415.171.699	3.451.629.552

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Thu nhập khác/ chi phí khác

	Quý 4/2024 VND	Quý 4/2023 VND
a) Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	
Các khoản khác	-	
Tổng cộng	-	-
b) Chi phí khác	-	-

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2024 VND	Quý 4/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập năm nay	-	-
Chi phí thuế thu nhập năm trước		-
Tổng cộng	-	-

6. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập**Kế toán trưởng****Phó Tổng Giám đốc**

Lại Văn Tú

Lại Văn Tú

Sakamoto Shinichiro